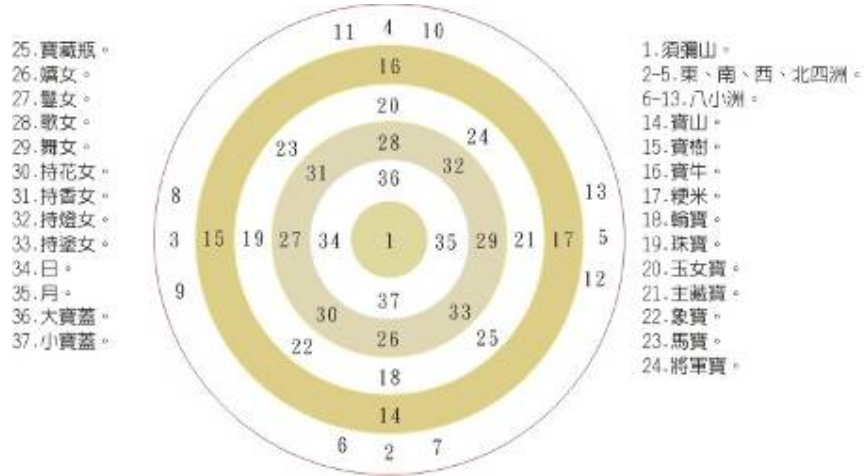


# MẠNH ĐẠT CÚNG DƯỜNG ĐỒ

Hán văn: chỉnh lý **Nhiên Đăng tạp chí biên tập bộ**  
Việt dịch: HUYỀN THANH



- 1: núi Tu Di  
2\_5: bốn Châu ở Đông, Nam, Tây, Bắc  
6\_13: tám Châu nhỏ  
14: núi báu  
15: cây báu  
16: con bò báu  
17: gạo tẻ  
18: Luân bảo (bánh xe báu)  
19: Châu bảo (viên ngọc báu)  
20: Ngọc Nữ bảo (ngọc nữ báu)  
21: Chủ Tạng bảo (Chủ kho tàng báu)  
22: Tượng bảo (voi báu)  
23: Mã bảo (ngựa báu)  
24: Tướng Quân bảo (vị tướng quân báu)  
25: Bảo Tạng bình (cái bình chứa vật báu)  
26: Hý Nữ  
27: Man nữ  
28: Ca nữ  
29: Vũ nữ  
30: Trì Hoa nữ  
31: Trì Hương nữ  
32: Trì Đăng nữ  
33: Trì Đồ nữ  
34: mặt trời  
35: mặt trăng  
36: lọng báu lớn  
37: lọng báu nhỏ

**Mạn Trà La** (Maṇḍala) là Phạn Ngữ, nghĩa ấy là “**Trung Vi**” hoặc dịch là **Luân Viên Cự Túc**.

**Trung** là Tâm, **Vi** là chọn lấy, tùy theo Tâm cầm lấy dùng làm cúng hiến. Như núi Tu Di (Sumeru) là **Trung**, nhóm bốn Châu lớn là **Vi**, tức ý tưởng của Đại Thiên Thế Giới, gom chứa **Tu Lương** (Sambhāra) dùng cúng Mạn Trà La làm tối thù thắng, nhân đầy đủ sáu Độ Ba La Mật

Vật cúng của chúng ta giống như là sáu loại, tức hoa, hương xoa bôi, nước, hương đốt, cơm thức ăn, đèn sáng. Sáu loại này biểu thị cho Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiên Định, Trí Tuệ

**Tám Cúng** của Mật Tông lại gia thêm **Như Ý Loa** (vỏ ốc như ý), **nước tắm gội** mà thành

Ngoài ra, còn có **7 Cúng, 27 Cúng, 37 Cúng** y theo thứ tự là: Núi Tu Di, Châu phía Đông, Châu phía Nam, Châu phía Tây, Châu phía Bắc, mặt trời, mặt trăng, tám Châu nhỏ, Luân bảo, Tượng bảo, Mã bảo, Châu bảo, Tướng Quân bảo, Ngọc Nữ bảo, Chủ Tạng bảo, Bảo Tạng bình, núi báu, cây báu, con bò báu, gạo tẻ, lọng báu lớn, lọng báu nhỏ, Trì Hoa nữ, Trì Hương nữ, Trì Đăng nữ, Trì Đồ nữ, Hý nữ, Man nữ, Ca nữ, Vũ nữ

Trong ấy, nhóm **tám Châu nhỏ ở 8 Cúng** hợp tính thành **37 Cúng**

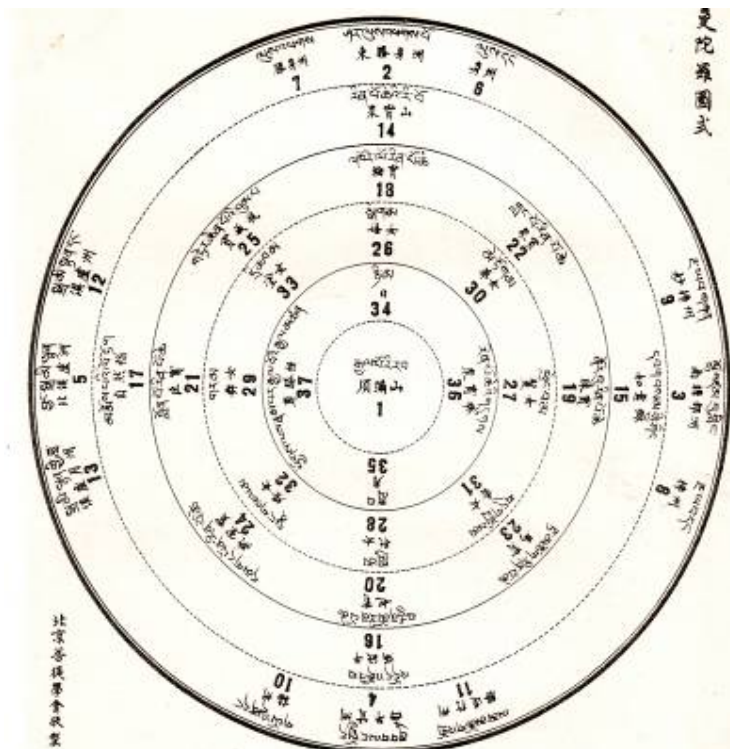
Chúng ta, người học Phật nên trước tiên tu cúng dường rộng lớn, dùng cúng dường ấy cúng dường **Thượng Sư, Tam Bảo, Kim Cương Hộ Pháp** cầu xin gia bị thành tựu. Nguyên tắc ấy là hết thầy núi Tu Di, mặt trời, mặt trăng, bốn Đại Bộ Châu, bảy trân tám báu... dùng lực lượng của tướng niệm, gia trì Chú Ngữ, Thủ Ấn... mỗi mỗi hóa hiện như mây như biển, lớp lớp không cùng tận.

Loại cúng dường ấy là thắng diệu thù đặc

Loại cúng dường ấy là thanh tịnh trang nghiêm

Loại cúng dường ấy là cúng dường rộng lớn

\*) Phụ chú của người dịch: **đồ hình Meru Maṇḍala :**



- 1) Núi Tu Di (Sumeru): Vua của các ngọn núi
- 2) Đông: Thăng Thân Châu (Pūrva-vidēha)
- 3) Nam: Thiệm Bộ Châu (Jambū-dvīpa)
- 4) Tây: Ngưu Hóa Châu (Aparagodānīya)
- 5) Bắc: Câu Lô Châu (Uttara Kuru)
- 6) Thân Châu (Deha)
- 7) Thăng Thân Châu (Videha)
- 8) Phất Châu (Cāmara)
- 9) Diệu Phất Châu (Apara-cāmara)
- 10) Siêm Châu (Śāthā)
- 11) Thăng Đạo Hạnh Châu (Uttara-mantrim)
- 12) Câu Lô Châu (Kuvāra)
- 13) Câu Lô Nguyệt Châu (Kauvāra)
- 14) Chúng Bảo Sơn (Uparatna Giri: núi chứa mọi vật báu)
- 15) Như Ý Thọ (Kalpa-vṛkṣa: cây Như Ý)
- 16) Mãn Dục Ngưu (Kāma-dhenu: con bò ước)
- 17) Tự Nhiên Đạo (Mahā-usadhi: cây thuốc, lúa tự nhiên có)
- 18) Luân Bảo (Cakra-ratna: bánh xe báu)
- 19) Châu Bảo (Maṇi-ratna: viên ngọc báu)
- 20) Phi Bảo (Strī-ratna: người vợ báu)
- 21) Thần Bảo (Puraṣa-ratna: bễ tôi báu)
- 22) Tượng Bảo (Hasti-ratna: con voi báu)
- 23) Mã Bảo (Aśva-ratna: con ngựa báu)
- 24) Tướng Quân Bảo (Khaḍga-ratna)
- 25) Bảo Tạng Bình (? Ratna-garbha-kuṇḍali)
- 26) Hý Nữ (Vajra-lāsyē)
- 27) Man Nữ (Vajra-māle)
- 28) Ca Nữ Vajra-gīte)
- 29) Vũ Nữ (Vajra-nṛtye)
- 30) Hoa Nữ (Vajra-puṣpe)
- 31) Hương Nữ (Vajra-gandhe )
- 32) Đãng Nữ (Vajra- āloke)
- 33) Đồ Nữ (Vajra-dhūpe)
- 34) Nhật (Sūrye: mặt trời)
- 35) Nguyệt (Candra: mặt trăng)
- 36) Chúng Bảo Tản (? Uparatna-patra)
- 37) Tối Thăng Tràng (Kuṇḍa-dhvaja)

06/03/2014